Trường TH& THCS Trần Văn Ơn

Lớp 9

 **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC**

 Chủ nhật ngày 31 tháng 10 năm 2021

 Môn Ngư văn 9

        **Văn bản**: **LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

            ( Trích truyện “ Lục Vân Tiên” – Nguyễn Đình Chiểu)

**A. NỘI DUNG KIẾN THỨC: (ghi phần chữ in đậm vào vở)**

**I. Đọc và tìm hiểu chung**

**1. Đọc** ( học sinh đọc văn bản)

**2. chú thích** ( tự tìm hiểu chú thích trong SGK)

**3. Bố cục: 2 phần**

Phần 1. Đầu 🡪 thân vong: Lục Vân Tiên đánh bọn cướp Phong Lai cứu 2 cô gái.

Phần 2. Còn lại: Cuộc trò chuyện giữa Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

**II. Tìm hiểu chi tiết**

**1. Nhân vật Lục Vân Tiên.**

**a. Lục Vân Tiên đánh cướp.**

**- Chàng dũng cảm, không sợ hiểm nguy, bẻ gậy xông vô, diệt trừ hung đồ.**

**- Hình ảnh Lục Vân Tiên được so sánh với các dũng tướng anh hùng.**

**=> Hành động đánh cướp bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa của chàng.**

**b. Thái độ của Lục Vân Tiên đối với Kiều Nguyệt Nga.**

- Vân Tiên tìm cách an ủi và hỏi han ân cần chu đáo.

- Chàng từ chối lời mời về nhà của Nguyệt Nga thể hiện đức tính khiêm nhường

**=> Chàng là con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu, coi làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên.Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng.**

**2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga.**

**- Là cô gái thuỳ mị, nết na, có học thức; cách xưng hô khiêm nhường; cách nói năng văn vẻ, dịu dàng, mực thước.**

**- Là người xem trọng ơn nghĩa.**

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung - Ý nghĩa:**

**- Ca ngợi phẩm chất cao đẹp của hai nhân vật và khát vọng hành đạo cứu đời của tác giả.**

**2. Nghệ thuật.**

**- Nhân vật được miêu tả chủ yếu qua hành động, cử chỉ, lời nói.**

**- Ngôn ngữ mang đậm màu sắc Nam Bộ.**

**- Ngôn ngữ đa dạng , phù hợp với diễn biến.**

**\*Ghi nhớ: SGK**

**B. YÊU CẦU LÀM BÀI TẬP (HS làm vào vở giáo viên sẽ kiểm tra)**

- Làm bài tập (SGK trang 116) phần luyện tập.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 Bài: **TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

**A. NỘI DUNG KIẾN THỨC:**

**I. Từ đơn và từ phức**:( HS tự học)

**II. Thành ngữ**:( HS tự học)

**III. Nghĩa của từ.**

1. Lí thuyết.

Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ) mà từ biểu thị.

2. Bài tập.

Bài 2.

- Cách giải thích a hợp lí.

Bài 3.

- Cách giải thích b là đúng. Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi

**IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.**

1. Lí thuyết.

- Từ có thể có một nghĩa hoặc nhiều nghĩa.

2. Bài tập.

Từ hoa trong thềm hoa, lệ hoa được dùng theo nghĩa chuyển.

**V**- **Từ đồng âm**:( HS tự học)

**VI-** **Từ đồng nghĩa**:( HS tự học)

**VII-** **Từ trái nghĩa**:( HS tự học)

**VIII-** **Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ:** ( HS tự học)

**1. Từ ngữ nghĩa rộng:**

**2. Từ ngữ nghĩa hẹp:**

**IX**- **Trường từ vựng**: ( HS tự học)

**B. YÊU CẦU LÀM BÀI TẬP (HS làm vào vở giáo viên sẽ kiểm tra)**

- Vẽ sơ đồ về Cấu tạo từ

- Vẽ sơ đồ về Cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 **Bài: ĐỒNG CHÍ**

*(Chính Hữu)*

**A. NỘI DUNG KIẾN THỨC: (ghi phần chữ in đậm vào vở)**

**I. Đọc và tìm hiểu chung**

**1. Đọc** ( học sinh đọc văn bản)

**2. chú thích** ( tự tìm hiểu chú thích trong SGK)

**3. Thể loại - bố cục:**

**\* Thể loại: thơ tự do.**

**\* Bố cục:**

- Phần 1: 7 câu đầu: cơ sở hình thành tình đồng chí.

- Phần 2: 10 câu tiếp theo: những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.

- Phần 3: 3 câu cuối: hình ảnh hai người lính trong phiên gác.

**II. Tìm hiểu chi tiết**

**1. Cơ sở hình thành tình đồng chí.**

**- Sự tương đồng về cảnh ngộ: xuất thân nghèo khó.**

**- Cùng chung nhiệm vụ, sát cánh bên nhau trong chiến đấu. “Súng bên súng, đầu sát bên đầu”**

**- Chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui.**

- “Đồng chí!” kết tinh tình cảm của những người lính.

- Nhịp thơ ngắt quãng, trầm lắng thể hiện sức mạnh của tình đồng chí.

**2. Những biểu hiện của tình đồng chí.**

**- Sự cảm thông sâu xa nỗi lòng của nhau.**

**- Cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính.**

- Cuộc sống thiếu thốn nhưng không làm nhụt chí chiến đấu .

**- Hình ảnh “bàn tay”thể hiện sự gắn bó keo sơn, tiếp thêm sức mạnh vượt qua gian khổ chiến thắng kẻ thù.**

**3. Bức tranh đẹp về tình đồng chí.**

**- Sức mạnh của tình đồng chí giúp họ đứng vững bên nhau, sưởi ấm lòng họ giữa đêm đông lạnh giá.**

 **- Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” mang ý nghĩa biểu tượng, là sự kết hợp giữa chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.**

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung - Ý nghĩa;**

**Ca ngợi tình đồng chí cao đẹp giữa những người chiến sĩ trong thời kì chiến đấu chống TDP gian khổ.**

**2. Nghệ thuật: Sử dụng ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, thể hiện tình cảm chân thành.**

**B. YÊU CẦU LÀM BÀI TẬP (HS làm vào vở giáo viên sẽ kiểm tra)**

- Học thuộc long bài thơ.

- Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về đoạn cuối bài thơ Đồng chí ( từ Đêm nay…trăng treo)

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 **Bài: TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

A. NỘI DUNG KIẾN THỨC:

**I. Sự phát triển của từ vựng.**

Bài 1.

Sơ đồ:

 Các cách phát triển từ vựng

 Phát triển nghĩa Phát triển số lượng

 của từ ngữ từ ngữ

 Thêm Chuyển Tạo Vay

 nghĩa nghĩa từ mới mượn

Bài 2. Ví dụ: kinh trong kinh bang tế thế và trong kinh tế.

Chuyển từ nghĩa gốc sang nghĩa chuyển: Mũi người, động vật; mũi thuyền, mũi đất, mũi tên…

Tạo từ mới: Mô hình X + sĩ

Vay mượn: Giang sơn, thiên thư, xâm phạm…

Bài 3. Không

**II. Từ mượn.**

 Khái niệm:

Bài 2. Chọn nhận định c.

Bài 3. Những từ: săm, lốp, ga, xăng, phanh…đã được Việt hoá hoàn toàn.

Những từ: a-xit, ra-đi-o, vi-ta-min…là những từ chưa được Việt hoá hoàn toàn.

**III. Từ Hán Việt.**

Khái niệm.

Bài 2. Chọn cách hiểu b.

**IV. Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội.(tự học)**

**V. Trau dồi vốn từ.(tự học)**

**B. YÊU CẦU LÀM BÀI TẬP (HS làm vào vở giáo viên sẽ kiểm tra)**

Viết một đoạn văn từ 5-6 câu nội dung về bảo vệ môi trường trong đó có dùng từ Hán Việt, thuật ngữ.

Duyệt của BGH GV:

 Mai Thị Bình